

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST
Ngày 29-7-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và ông Lò Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện TG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TG xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2020/TLST- HN&GD ngày 28 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị P**, năm sinh 1986; Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện TG, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn T**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện TG, tỉnh Điện Biên – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị P trình bày:

- Về hôn nhân: Chị P và anh Lò Văn T chung sống như vợ chồng, tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2004, đến năm 2013 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TG, tỉnh Điện Biên theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114 ngày 30/12/2013. Trong quá trình chung sống sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Lò Văn T đi làm thuê nhưng không đưa tiền giúp chị P chăm lo gia đình, con cái. Khi về đến nhà anh T còn xin tiền chị để đi chơi bời, chị P không đưa thì anh T đánh đập, dùng dao đe dọa giết. Từ những mâu thuẫn trên cuộc sống vợ chồng luôn bất hòa, không có tiếng nói chung, chị P đã bỏ về sống cùng bên bố mẹ đẻ từ tháng 01 năm 2019 và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ

đó đến nay. Nay chị P xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn T.

- Về con chung: Chị P và anh Lò Văn T có 02 người con chung, là Lò Văn S, sinh ngày 17/10/2005; Lò Thị T, sinh ngày 31/12/2007. Sau ly hôn nguyện vọng của chị P là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh Lò Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Lò Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và hòa giải, bị đơn anh Lò Văn T khai: Anh T thống nhất với chị P, anh chị tự nguyện xây dựng gia đình với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TG ngày 30/12/2013. Quá trình chung sống sau khi kết hôn có thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, lúc nóng tính do vợ chồng cãi nhau anh T có đánh chị P khoảng 09 đến 10 lần nhưng chưa đến mức quá nghiêm trọng. Anh T cũng xác nhận do vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau nên từ tháng 01 năm 2019 chị P đã bỏ về bên bố mẹ đẻ và vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh T không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với chị P.

- Về con chung: Anh Lò Văn T thống nhất với ý kiến trình bày của chị Lò Thị P, anh chị có 02 người con chung là Lò Văn S, sinh ngày 17/10/2005; Lò Thị T, sinh ngày 31/12/2007. Khi ly hôn nguyện vọng của anh là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Do anh Lò Văn T không đồng ý ly hôn với chị P nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả tiến hành xác minh tại địa P và gia đình cho thấy: Chị P và anh T tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định, đến thời điểm yêu cầu ly hôn vợ chồng có 02 người con chung. Quá trình chung sống chị P, anh T thường cãi chửi nhau nguyên nhân mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, anh T có hành vi đánh đập, dùng dao đe dọa chị P (BL 34, 36). Chị P và anh T đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lò Thị P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về con chung chị P đồng ý giao cho anh Lò Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lò Văn S, sinh ngày 17/10/2005, do cháu Lò Văn S có nguyện vọng muốn được ở với bố (anh Lò Văn T). Chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lò Thị T, sinh ngày 31/12/2007.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TG phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị Lò Thị P, anh Lò Văn T đã

trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Lò Thị P yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh Lò Văn T.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các bên, giao cháu Lò Thị T, sinh ngày 31/12/2007 cho chị Lò Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Lò Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Văn S, sinh ngày 17/10/2005. Mỗi người nuôi một người con chung không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Lò Thị P, anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lò Văn T có địa chỉ tại bản M, xã M, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố Tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TG, tỉnh Điện Biên.

- Sự vắng mặt của bị đơn anh Lò Văn T tại phiên tòa, anh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án trong trường hợp vắng mặt anh T tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Lò Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện TG, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/12/2013 của UBND xã M (BL 02) xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Lò Thị P và anh Lò Văn T là hôn nhân hợp pháp, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị Lò Thị P, anh T thường xuyên mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, anh Lò Văn T có hành vi đánh đập, đe dọa chị P dẫn đến chị P không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh T và vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị P, anh T được thể hiện qua biên bản xác minh của Tòa án (BL 33, 34, 35, 36). Hội đồng xét xử nhận định về tình cảm vợ chồng, chị P và anh T không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã vi phạm nghiêm trọng những nguyên tắc cơ bản về quyền và nghĩa vụ về nhân thân, tình nghĩa vợ chồng

quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của chị P, anh T đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Anh Lò Văn T không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn tình cảm yêu thương chị P là không có cơ sở; bởi thực tế anh chị đều thống nhất đã sống ly thân, hiện tại không ai quan tâm tới ai.

Xét thấy chị Lò Thị P, anh Lò Văn T đã sống ly thân một thời gian dài, không ai quan tâm tới ai, căn cứ tình trạng hôn nhân và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị P anh T có 02 người con chung là Lò Văn S, sinh ngày 17/10/2005; Lò Thị T, sinh ngày 31/12/2007. Hội đồng xét xử xét thấy chị P, anh T đều có nguyện vọng yêu cầu được nuôi con khi ly hôn, căn cứ nguyện vọng của các con và điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên, giao cho chị Lò Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Thị T, sinh ngày 31/12/2007. Anh Lò Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lò Văn S, sinh ngày 17/10/2005 là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị P, anh Lò Văn T.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lò Thị P, anh Lò Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí: Chị Lò Thị P là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị P được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 9, Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị P được ly hôn anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Lò Thị T, sinh ngày 31/12/2007 cho chị Lò Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Lò Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Lò Văn S, sinh ngày 17/10/2005 đến khi thành niên và có khả

năng lao động sau ly hôn. Mỗi người nuôi một người con chung nên không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị P, anh Lò Văn T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; chị Lò Thị P, anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Lò Thị P và anh Lò Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị P.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lò Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/7/2020). Anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện TG;
- Chi cục THADS huyện TG;
- UBND xã M, huyện TG;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng

